TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh P.

Địa chỉ: ấp H, xã B, thành phố T, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần T.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã A, huyện T, tỉnh Long An.
Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã B, thành phố T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25 tháng 7 năm 2018 và các bảng tự khai nội dung sự việc tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh P trình bày: Bà và ông Trần T chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi chung sống, vợ chồng bà

đảm bảo hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, ông T không lo cho vợ, con nên vợ chồng thường cải vả nhau, bà và ông T đã không còn quan hệ tình cảm với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần T.

Về con chung: Có một con chung tên Trần X, sinh ngày 19/5/2005. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông Trần T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Trần T vắng mặt tại phiên tòa, không có bảng tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ôngT biết, Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà P theo quy định pháp luật, nhưng ôngT không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà P xin ly hôn.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh P và ông Trần T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh P đối với ông Trần T. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Trần X, sinh ngày 19/5/2005 cho bà Huỳnh P được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà P không có yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 13/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An có thụ lý đơn khởi kiện của bà Huỳnh P yêu cầu được ly hôn với ông Trần T

làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Ông Trần T là bị đơn trong vụ án, sau khi Tòa án thụ lý vụ án có triệu tập ông T đến Tòa án tham gia tố tụng nhiều lần để Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông T không đến. Căn cứ vào giấy yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An được Công an xã B, thành phố T, tỉnh Long An xác nhận thì hiện nay ông Trần T có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: ấp H, xã B, thành phố T, tỉnh Long An và đang sinh sống tại địa phương. Như vậy, ôngT có đăng ký tạm trú ở địa phương là xã B, thành phố T, tỉnh Long An, nhưng ông T cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông T theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Trần T là phù hợp với các điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Huỳnh P và ông Trần T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp, bà P cho là vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, ông T không lo cho gia đình, nên vợ chồng thường cải vả nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không đạt được kết quả. Bà P và ông T đã không còn quan hệ tình cảm với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, nên bà P có yêu cầu ly hôn với ông T. Trong thời gian thu thập chứng cứ Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà P và ông T tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân xã B không nắm rõ nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp nên không cung cấp được cho Tòa án. Về phía ông T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông T cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình, nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T không đến Tòa án. Như vậy phía ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P tức là không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với bà P nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà P và ông T không còn, tình trạng vợ chồng giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà P và ông T có một con chung tên Trần X, sinh ngày 19/5/2005. Con chung hiện nay đang sống chung với bà P do bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T không tham gia phiên tòa để xác

định nguyện vọng về việc nuôi con của mình. Xét nên giao cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung. Ông T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, bà P và ông T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[5] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ, xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Các điều 147, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh P, cho bà Huỳnh P được ly hôn với ông Trần T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Trần X, sinh ngày 19/5/2005 cho bà Huỳnh P được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Huỳnh P không có yêu cầu.

Ông Trần T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, bà Huỳnh P và ông Trần T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Bà Huỳnh P phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Do vậy chuyển tạm ứng án phí bà Huỳnh P đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002352 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Kim Hương Nguyễn Thị Tĩnh Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Sở **Nguyễn Văn Sồi** **Nguyễn Thị Hồng Liên**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TPTA;
- Đương sự;
- THA, AV, Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Phiên tòa, ngày 25 tháng 02 năm 2016

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sở.
2. Ông Nguyễn Văn Sồi.

Xét xử vụ án: Ly hôn giữa: Bà Trương Thị Hồng Đào và ông Trần Thanh Nhựt.

Sau khi P luận Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 nhất trí:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 27; Điểm a khoản 1 Điều 33; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 199; Điều 202; Các điều 131, 238, 239, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng Đào, cho bà Trương Thị Hồng Đào được ly hôn với ông Trần Thanh Nhựt.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Trần Yến Xuân, sinh ngày 29/12/2007 cho bà Trương Thị Hồng Đào được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Thanh Nhựt phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Yến Xuân mỗi tháng là 575.000đ (năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Yến Xuân thành niên đủ mười tám tuổi.

Ông Trần Thanh Nhựt không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Trương Thị Hồng Đào và ông Trần Thanh Nhựt được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Hồng Đào xác định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà Trương Thị Hồng Đào phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Do vậy chuyển tạm ứng án phí bà Trương Thị Hồng Đào đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001812 ngày 18/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

Ông Trần Thanh Nhựt phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Sở **Nguyễn Văn Sồi** **Nguyễn Thị Hồng Liên**